

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán quản trị - 02-208335

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11222001	LÊ QUANG	ĐỨC	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11222002	VƯƠNG THÀNH	AN	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11222003	PHẠM BÌNH	AN	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11222004	TRẦN THỊ LAN	ANH	TC11QTTD	Wah	6		2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11222005	VÕ CHÍ	CÔNG	TC11QTTD	Can	5		1	2,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	11222006	LÊ DIỄM	CHÂU	TC11QTTD	Ch	8		8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	11222007	NGUYỄN THỊ HẠ	DIỄM	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11222008	LÊ LONG HƯƠNG	DIỆU	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11222009	NGUYỄN HOÀNG	DUY	TC11QTTD		8		9	8,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11222010	TRẦN ĐÌNH NGUYỄN T	DUYẾN	TC11QTTD		5		6	5,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11222011	ĐINH THỊ	HÀNG	TC11QTTD		5		3	3,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11222012	LÊ NGỌC	HÂN	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11222013	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	TC11QTTD	Anu	8		3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11222014	MAI XUÂN	HẢI	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11222015	ĐÀO THỊ	HỒNG	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11222016	PHAN TẤN	HƯNG	TC11QTTD		6		5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11222017	NGUYỄN HỮU	HƯNG	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	11222018	NGUYỄN HỮU	HUY	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán quản trị - 02-208335

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	11222019	TRẦN THỊ BÍCH	HUYỀN	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	11222020	NGUYỄN BÁ	KHÔI	TC11QTTD	<i>BBC</i>	6		5	5,3	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11222021	PHẠM HOÀNG MINH	KHẢI	TC11QTTD	<i>PHM</i>	8		5	5,9	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11222022	VÕ BÉ	KHUYÊN	TC11QTTD	<i>RUC</i>	6		2	3,2	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11222023	LÊ PHÚC	LÂM	TC11QTTD	<i>LMP</i>	5		5	5,3	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11222024	BÙI QUANG	LÂN	TC11QTTD	<i>BMQ</i>	8		3	4,5	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11222025	TRẦN XUÂN	LỘC	TC11QTTD	<i>TRX</i>	6		5	5,3	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11222026	PHAN THỊ	LIÊN	TC11QTTD	<i>PTH</i>	8		3	4,5	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11222027	LÊ VĂN	LINH	TC11QTTD	<i>LVT</i>	8		3	4,5	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	11222028	TRƯƠNG THỊ	LIỆU	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11222029	TRẦN HOÀNG NGỌC	LOAN	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11222030	LÊ THỊ PHỤNG	LOAN	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11222031	PHO PHI	LONG	TC11QTTD	<i>PPH</i>	6		5	5,3	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11222032	NGUYỄN VĂN	NGÔ	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11222033	NGUYỄN VÕ KIM	NGÂN	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11222034	HÀ VĂN	NGUYỄN	TC11QTTD	<i>HVT</i>	8		6	6,6	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	11222035	TRƯƠNG VĂN	NGUYỄN	TC11QTTD				✓		0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11222036	TRƯƠNG THỊ THANH	NHIÊN	TC11QTTD	<i>TTT</i>	8		5	5,9	0 8 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán quản trị - 02-208335

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	11222037	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	TC11QTTD		6		1	2,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	11222038	ĐẶNG BÍCH	PHƯƠNG	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11222039	TRẦN THÀNH	PHƯƠNG	TC11QTTD		6		5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11222040	LÊ DUY	PHƯƠNG	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11222041	TRẦN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	11222042	NGUYỄN HỒNG	SƠN	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11222043	PHAN CHÍ	TÂM	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	11222044	NGUYỄN VĂN	TÂY	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	11222045	ĐẶNG NGỌC	THÀNH	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	11222046	DƯƠNG MINH	THÀNH	TC11QTTD		5		5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	11222047	NGUYỄN ĐỨC	THÀNH	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	11222048	TRẦN CÔNG	THÀNH	TC11QTTD		6		7	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	11222049	NGUYỄN THỊ	THẢO	TC11QTTD		8		3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	11222050	NGUYỄN TẤN	THANH	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
51	11222051	NGUYỄN NGỌC	THIỆM	TC11QTTD		6		5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
52	11222052	TRẦN NGỌC	THUẬN	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	11222053	PHAN VĂN	TƯỞNG	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	11222055	TRẦN VĂN	TIẾN	TC11QTTD		8		3	4,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán quản trị - 02-208335

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	11222056	HUỖNH PHAN ÁNH	TRANG	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	11222057	PHẠM MINH	TRỌNG	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	11222058	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	11222059	VŨ QUANG	VỸ	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	11222060	VĂN CÔNG	Ý	TC11QTTD		5		5	5,0	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	11222061	ĐỖ KIM	PHƯỢNG	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	11223001	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÂN	TC11QTTD		5		1	2,2	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	11223003	DƯƠNG THỊ	BÚNG	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	11223004	PHẠM THỊ	HƯƠNG	TC11QTTD		5		1	2,2	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	11223006	ĐẶNG HIẾU	HIỀN	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	11223007	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	TC11QTTD		8		1	3,1	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	11223008	ĐINH THỊ	HOA	TC11QTTD		6		5	5,3	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	11223010	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	HUYỀN	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	11223011	HỒ QUỐC	LÂM	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	11223012	TRƯƠNG THỊ CHÂU	LAN	TC11QTTD		8		5	5,9	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	11223015	HUỖNH THỊ	NGỌC	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	11223017	PHẠM THỊ HOÀI	NGHIÊM	TC11QTTD		6		3	3,9	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	11223018	CAO THỊ	NHÂM	TC11QTTD				✓		0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kế toán quản trị - 02-208335

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	11223020	NGUYỄN THỊ YẾN	PHƯƠNG	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	6		2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
74	11223021	VÕ THỊ HỒNG	THƠ	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
75	11223022	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	5		5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
76	11223023	NGUYỄN THỊ THANH	TẾ	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	6		2	3,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
77	11223024	LƯU THỊ HUYỀN	TRẦN	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	8		8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
78	11223025	PHAN THỊ HUYỀN	TRẦN	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	5		5	5,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
79	11223026	ĐOÀN NHẬT	TRƯỜNG	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	2		6	4,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
80	11223027	NGUYỄN VĂN	TUẤN	TC11QTTD				✓		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
81	11223030	ĐỖ THỊ THÚY	VÂN	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	8		6	6,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
82	11223031	TRƯƠNG THỊ MỸ	VÂN	TC11QTTD	<i>[Signature]</i>	8		7	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện: : *44*

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

[Signature]
Lê Thị Huệ Trang

[Signature]
Nguyễn Thị Ngọc Hà

[Signature]
Bùi Xuân Nhàn